Số: 1207/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-10-26T14:10:39+07:00

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CTGT&NNPTNT TỈNH ĐẮK LẮK
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG EA KAR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN

Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách Thượng tại xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk

(Phương án điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại các Quyết định số 286/QĐ-UBND, 287/QĐ-UBND ngày 28/12/2022; Quyết định số 03/QĐ-UBND, 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023; Quyết định số 49/QĐ-UBND, 50/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 và Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 4/12/2023 của UBND huyện Ea Kar – Phương án 08 hộ gia đình)

Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2026 của UBND xã Ea Ô

I BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN THEO QUYẾT ĐỊNH 461/QĐ-UBND ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

	Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất	Số Thửa/Tờ Bản Đồ	Thời điểm sử dụng đất/ thời gian tạo lập tài sản	Tỷ lệ % còn lại	Đơn vị tính	Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê	Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi	Đơn giá	Tỷ lệ hỗ trợ	Tổng thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	**Hộ ông: Dương Văn Đức (vợ là: Lâm Thị Yến) Địa chỉ thường trú: Thôn 4, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk**									**209.552.130**	
a	**Hỗ trợ về đất**						**21.337,60**			**209.552.130**	
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 42/7	2009		m2	8.742,7	8.742,7	20.000	50%	87.427.000	
2	Đất nuôi trồng thuỷ sản	Thửa 43/7	2009		m2	220,3	220,3	15.000	50%	1.652.250	
3	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 43/7	2009		m2	8.737,8	8.737,8	20.000	50%	87.378.000	
4	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 34/7	2009		m2	3.636,8	3.636,8	18.200	50%	33.094.880	
2	**Hộ ông: Nông Văn Chương (vợ là: Nguyễn Thị Dung) Địa chỉ thường trú: Thôn 6D, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk**									**114.264.800**	
a	**Hỗ trợ về đất**						**15.579,6**			**114.264.800**	
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 3/10	2012		m2	10.382,80	10.382,80	20.000	30%	62.296.800	
2	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 7/10	2006		m2	5.196,80	5.196,80	20.000	50%	51.968.000	
3	**Hộ ông: Đặng Văn Lin Địa chỉ thường trú: Thôn 6D, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk**									**5.580.120**	
a	**Hỗ trợ về đất**						**613,20**			**5.580.120**	
	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 53/9	2009		m2	613,20	613,20	18.200	50%	5.580.120	
4	**Hộ ông: Lục Văn Bình (vợ là) Địa chỉ thường trú: Thôn 6D, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk**									**24.592.350**	
a	**Hỗ trợ về đất**						**2.618,4**			**24.592.350**	
1	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 59/10	2009		m2	124,20	124,20	18.200	50%	1.130.220	
2	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 68/10	2009		m2	222,80	222,80	18.200	50%	2.027.480	
3	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 69/10	2009		m2	849,90	849,90	20.000	50%	8.499.000	
4	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 77/10	2009		m2	300,90	300,90	18.200	50%	2.738.190	
5	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 89/10	2009		m2	534,30	534,30	18.200	50%	4.862.130	
6	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 90/10	2009		m2	586,30	586,30	18.200	50%	5.335.330	
5	**Hộ ông: HOÀNG VĂN SẦM Địa chỉ thường trú: Thôn 6D, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk**									**10.963.680**	

	Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất	Số Thửa/Tờ Bản Đồ	Thời điểm sử dụng đất/ thời gian tạo lập tài sản	Tỷ lệ % còn lại	Đơn vị tính	Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê	Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi	Đơn giá	Tỷ lệ hỗ trợ	Tổng thành tiền (đồng)	Ghi chú
a	**Hỗ trợ về đất**						**1.204,80**			**10.963.680**	
	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 55/09	2009		m2	1.204,80	1.204,80	18.200	50%	10.963.680	
6	**Hộ ông: SẦM VĂN CHIẾN Địa chỉ thường trú: Thôn 6D, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk**									**6.831.370**	
a	**Hỗ trợ về đất**						**750,7**			**6.831.370**	
	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 52/9	2009		m2	750,70	750,70	18.200	50%	6.831.370	
7	**Không xác định đối tượng sử dụng đất**									**10.602.410**	
a	**Hỗ trợ về đất**						**1.522,90**			**10.602.410**	
1	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 75/10	2009		m2	651,10	651,10	18.200	50%	5.925.010	
2	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 84/10	2009		m2	514,00	514,00	18.200	50%	4.677.400	
3	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 37/8	Không sử dụng liên tục		m2	357,8	357,8	18.200	0%	-	
TỔNG										**382.386.860**	
II	**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH SỐ 461/QĐ-UBND THEO KẾT QUẢ XÁC NHẬN NGUỒN GỐC NĂM 2024 CỦA UBND XÃ CƯ ELANG:**										
	Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất	**Số Thửa/Tờ Bản Đồ**	**Thời điểm sử dụng đất/ thời gian tạo lập tài sản**	**Tỷ lệ % còn lại**	**Đơn vị tính**	**Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê**	**Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi**	**Đơn giá**	**Tỷ lệ hỗ trợ**	**Tổng thành tiền (đồng)**	**Ghi chú**
1	**Hộ ông: Dương Văn Đức (vợ là: Lâm Thị Yến) Địa chỉ thường trú: Thôn 7 (thôn 4 Cư Elang cũ), tỉnh Đắk Lắk**									**233.054.280**	**KQXN số 49/GXN-UBND, ngày 26/8/2024**
a	**Hỗ trợ về đất**						**21.337,60**			**233.054.280**	
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 42/7	T3/2004		m2	8.742,7	1.001,0	20.000	80%	16.016.000	
2	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 42/7	2005		m2		7.741,7	20.000	50%	77.417.000	
3	Đất nuôi trồng thuỷ sản	Thửa 43/7	T3/2004		m2	220,3	220,3	15.000	80%	2.643.600	
4	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 43/7	T3/2004		m2	8.737,8	2.750,8	20.000	80%	44.012.800	
5	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 43/7	2009		m2		5.987,0	20.000	50%	59.870.000	
6	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 34/7	2005		m2	3.636,8	3.636,8	18.200	50%	33.094.880	
2	**Hộ ông: Nông Văn Chương (vợ là: Nguyễn Thị Dung) Địa chỉ thường trú: Thôn 9 (thôn 6D cũ), xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk**									**207.898.800**	**KQXN số 15/GXN-UBND, ngày 26/8/2024**
a	**Hỗ trợ về đất**						**15.579,60**			**207.898.800**	
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 3/10	T3/2004		m2	10.382,80	8.683,80	20.000	80%	138.940.800	
2	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 3/10	2005		m2		1.699,00	20.000	50%	16.990.000	
3	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 7/10	2005		m2	5.196,80	5.196,80	20.000	50%	51.968.000	
3	**Hộ ông: Đặng Văn Lin Địa chỉ thường trú: Thôn 9 (thôn 6D cũ), xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk.**									**8.928.192**	**KQXN số 29/GXN-UBND, ngày 26/8/2024**
a	**Hỗ trợ về đất**						**613,20**			**8.928.192**	
	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 53/9	T3/2004		m2	613,20	613,20	18.200	80%	8.928.192	
4	**Hộ ông: Lục Văn Bình Địa chỉ thường trú: Thôn 9 (thôn 6D cũ), xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk.**									**37.324.068**	**KQXN số 14/GXN-UBND, ngày 26/8/2024**

	Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất	Số Thửa/Tờ Bản Đồ	Thời điểm sử dụng đất/ thời gian tạo lập tài sản	Tỷ lệ % còn lại	Đơn vị tính	Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê	Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi	Đơn giá	Tỷ lệ hỗ trợ	Tổng thành tiền (đồng)	Ghi chú
a	**Hỗ trợ về đất**						**2.618,40**			**37.324.068**	
1	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 59/10	2005		m2	124,20	124,20	18.200	50%	1.130.220	
2	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 68/10	T3/2004		m2	222,80	136,80	18.200	80%	1.991.808	
3	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 68/10	2005		m2		86,00	18.200	50%	782.600	
4	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 69/10	T3/2004		m2	849,90	703,90	20.000	80%	11.262.400	
5	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 69/10	2005		m2		146,00	20.000	50%	1.460.000	
6	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 77/10	T3/2004		m2	300,90	300,90	18.200	80%	4.381.104	
7	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 89/10	T3/2004		m2	534,30	534,30	18.200	80%	7.779.408	
8	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 90/10	T3/2004		m2	586,30	586,30	18.200	80%	8.536.528	
5	**Hộ ông:Hoàng Văn Sầm Địa chỉ thường trú: Thôn 9 (thôn 6D cũ), xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk**									**17.541.888**	**KQXN số 02/GXN-UBND, ngày 26/8/2024**
a	**Hỗ trợ về đất**						**1.204,80**			**17.541.888**	
	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 55/09	T3/2004		m2	1.204,80	1.204,80	18.200	80%	17.541.888	
6	**Hộ ông: Sầm Văn Chấn Địa chỉ thường trú: Thôn 9 (thôn 6D cũ), xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk.**									**10.930.192**	**Trong QĐ số 461 chủ sử dụng là Sầm Văn Chiến KQXN số 43/GXN-UBND, ngày 26/8/2024**
a	**Hỗ trợ về đất**						**750,70**			**10.930.192**	
	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 52/9	T3/2004		m2	750,70	750,70	18.200	80%	10.930.192	
7	**Hộ ông: Nông Văn Thơ Địa chỉ thường trú: Thôn 9 (thôn 6D cũ), xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk.**									**16.963.856**	**Trong QĐ số 461 là không xác định đối tượng sử dụng KQXN số 38/GXN-UBND, ngày 26/8/2024**
a	**Hỗ trợ về đất**						**1.165,10**			**16.963.856**	
1	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 75/10	T3/2004		m2	651,10	651,10	18.200	80%	9.480.016	
2	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 84/10	T3/2004		m2	514,00	514,00	18.200	80%	7.483.840	
8	**Hộ ông: Hoàng Văn Đàn Địa chỉ thường trú: Thôn 9 (thôn 6D cũ), xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk.**									**3.255.980**	**Trong QĐ số 461 là không xác định đối tượng sử dụng KQXN số 58/GXN-UBND, ngày 26/8/2024**
a	**Hỗ trợ về đất**						**357,80**			**3.255.980**	
	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 37/8	2005		m2	357,8	357,8	18.200	50%	3.255.980	
TỔNG										**535.897.256**	

TT	Loại đất	Đơn vị	Diện tích
1	Đất trồng cây lâu năm	*m2*	33.910,0
2	Đất trồng lúa nước một vụ	*m2*	9.496,9
3	Đất nuôi trồng thủy sản	*m2*	220,3
Tổng diện tích thu hồi		***m2***	**43.627,2**

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số tiền hỗ trợ sau khi lập lại	Số tiền hỗ trợ theo Quyết định số 461	Số tiền bổ sung
1	Hỗ trợ về đất	đồng	535.897.256	382.386.860	153.510.396
Tổng		**đồng**	**535.897.256**	**382.386.860**	**153.510.396**